

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 30/08/2023

Về việc: Ly hôn,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Đào Thị Thanh Thom.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2023/TLST- HNGĐ ngày 2 tháng 06 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T – sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện trú tại địa chỉ: Xóm 7, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H sau thời gian tự do tìm đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 01 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H thường xuyên cờ bạc rượu chè xong về đánh đập ngược đãi xúc phạm chị. Bản thân chị đã cố gắng nín nhịn nhiều năm để chung sống với anh H cho các con có sự quan tâm chăm sóc của cả bố lẫn mẹ nhưng anh H không thay đổi. Khi các con lớn chị và các con có nói chuyện khuyên bảo thì anh H lại chửi bới và đổ lỗi cho chị, xúc phạm chị. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh H không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình dẫn đến cuộc sống rất mệt mỏi. Năm 2018 khi chị đi mổ tửu về do sức khỏe chị giảm sút thì anh H không đánh đập được chị nữa nhưng vẫn

thường xuyên chửi bới và xúc phạm chị. Cuộc sống chung không hạnh phúc và cả hai không còn tình cảm với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung cháu Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Thanh P, sinh năm 2002. Hiện các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú tại xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H, anh H nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không ký nhận biên bản. Bản thân anh H cũng đã biết việc chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Án phí: Chị Trần Thị T nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, với anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại: Xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 01 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cuộc sống làm ăn kinh tế, bên cạnh đó anh H rượu chè say xỉn rồi vợ chồng cãi chửi nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh H có thái độ bỏ mặc và không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hồi Ninh thể hiện: Anh H và chị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đăng ký kết hôn với nhau năm 1996 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm 10, xã H. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong vấn đề làm ăn kinh tế, mặt khác anh H thường xuyên cờ bạc, rượu chè say xỉn rồi đánh đập chị, vợ chồng đánh cãi chửi nhau ảnh hưởng đến an ninh thôn xóm. Hiện tại chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị T nhiều năm nay và không chung sống cùng anh H nữa. Nay chị T xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhiều năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung cháu Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Thanh P, sinh năm 2002. Hiện các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H (Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004950 ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã H, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**